

Số: 8377/BIDV-TKHĐQTHà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2022

CBTT v/v phát hành trái phiếu ra công chúng
Đợt 2 của BID theo phương thức trực tiếp
phát hành

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Mã chứng khoán: BID
- Địa chỉ: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam nhận được Văn bản số 8481/UBCK-QLCB ngày 22/12/2022 về tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của BID (tiếp tục triển khai theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 226/GCN-UBCK ngày 05/10/2021). Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu ra công chúng Đợt 2 như sau:

- Thông bào chào bán TP ra công chúng Đợt 2;
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán TP ra công chúng số 226/GCN-UBCK
- Công văn của UBCKNN về tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2;
- Bản cáo bạch chào bán TP ra công chúng;
- Bản cập nhật thông tin Bản cáo bạch chào bán TP ra công chúng ngày 05/12/2022 (bao gồm các phụ lục kèm theo);
- Nghị Quyết 370/NQ-BIDV phê duyệt PAPH TPTV ra CC năm 2021;
- Nghị Quyết 940/NQ-BIDV phê duyệt sửa đổi PAPH TPTV ra CC theo phương thức trực tiếp phát hành Quý IV/2022;
- Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn thu được từ Đợt 1 đã được kiểm toán.



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của ngân hàng vào ngày 27./12/2022 tại đường dẫn <https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: (5b)

- Như trên;
- Lưu TKHĐQT&QHCD, VP.



Trần Phương





Số: 835/TB-BIDV

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Chào bán trái phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 226/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 10 năm 2021)

I. Giới thiệu về Tổ Chức Phát Hành:

1. Tên Tổ chức phát hành: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
2. Tên viết tắt: BIDV
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Điện thoại: (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399
Website: <https://www.bidv.com.vn>
5. Vốn điều lệ: 50.585.238.160.000VND (Bằng chữ: Năm mươi nghìn năm trăm tám mươi lăm tỷ hai trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).
6. Mã cổ phiếu: BID
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số hiệu tài khoản: 111929.
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2022.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: BIDV được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã ngành 6419 (chính)) và Điều lệ hoạt động.
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Phụ lục 1 (đính kèm)
9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012, đã được cấp sửa đổi theo Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015, Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017, Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018, Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018, Quyết định số 155/QĐ-NHNN ngày 16/02/2022 và Quyết định số 466/QĐ-NHNN ngày 29/03/2022.

II. Mục đích chào bán của đợt chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2

BIDV phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của ngân hàng, tạo thêm kênh thu hút vốn trung và dài hạn để đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng, đảm bảo sự bền vững nguồn vốn của ngân hàng.

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được Tổ chức phát hành sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động cho Tổ chức phát hành và thực hiện cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề dự kiến như sau:

STT	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn (VND)	Tiến độ sử dụng vốn
1	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	3.395.259.000.000	Quý IV/2022 – Quý II/2023
2	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	779.056.800.000	
3	Lĩnh vực khác	2.616.227.200.000	
Tổng cộng		6.790.543.000.000	

III. Phương án chào bán

A. Thông tin chung về các đợt chào bán

Ngày 05 tháng 10 năm 2021, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 226/GCN-UBCK, thông tin cụ thể về trái phiếu như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021.
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm.
- Mã trái phiếu:
 - Trái phiếu kỳ hạn 7 năm: BIDL2128002C; BIDL2128005C.
 - Trái phiếu kỳ hạn 8 năm: BIDL2129003C; BIDL2129006C.
 - Trái phiếu kỳ hạn 10 năm: BIDL2131004C; BIDL2131007C.
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 (một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán:
 - Đợt 1: 50.000.000 trái phiếu, bao gồm 30.000.000 trái phiếu mã BIDL2128002C, 10.000.000 trái phiếu mã BIDL2129003C, 10.000.000 trái phiếu mã BIDL2131004C;
 - Đợt 2: 40.000.000 trái phiếu, bao gồm 25.000.000 trái phiếu mã BIDL2128005C, 10.000.000 trái phiếu mã BIDL2129006C, 5.000.000 trái phiếu mã BIDL2131007C;
 - Số lượng trái phiếu Đợt 1 chào bán không hết được chuyển sang chào bán trong Đợt 2.

B. Thông tin về trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2

1. Mã Trái Phiếu:

- Trái Phiếu kỳ hạn 7 năm: BIDL2128005C
- Trái Phiếu kỳ hạn 8 năm: BIDL2129006C
- Trái Phiếu kỳ hạn 10 năm: BIDL2131007C

2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 (một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.

3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 67.905.430 (bằng chữ: sáu mươi bảy triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm ba mươi) trái phiếu.

STT	Mã trái phiếu	Số lượng trái phiếu chào bán (*)
1	BIDL2128005C	44.475.702 (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm linh hai)
2	BIDL2129006C	10.000.000 (Mười triệu)
3	BIDL2131007C	13.429.728 (Mười ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi tám)
Tổng cộng		67.905.430 (Sáu mươi bảy triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm ba mươi)

(*) Số lượng trái phiếu chào bán Đợt 2 bao gồm số lượng trái phiếu chào bán Đợt 2 theo kế hoạch ban đầu cộng với số lượng trái phiếu chưa chào bán hết của Đợt 1 chuyển sang tương ứng theo từng kỳ hạn trái phiếu.

4. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 6.790.543.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu nghìn bảy trăm chín mươi tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu đồng).

STT	Mã trái phiếu	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
1	BIDL2128005C	4.447.570.200.000 (Bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy tỷ năm trăm bảy mươi triệu hai trăm nghìn)
2	BIDL2129006C	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ)
3	BIDL2131007C	1.342.972.800.000 (Một nghìn ba trăm bốn mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn)
Tổng cộng		6.790.543.000.000 (Sáu nghìn bảy trăm chín mươi tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu)

5. Kỳ hạn trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn
1	BIDL2128005C	7 năm
2	BIDL2129006C	8 năm
3	BIDL2131007C	10 năm

6. Lãi suất: Lãi suất của trái phiếu là lãi suất thả nổi, được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được xác định theo công thức sau:

STT	Mã trái phiếu	Lãi suất áp dụng
1	BIDL2128005C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,3% (một phẩy ba phần trăm)/năm
2	BIDL2129006C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,4% (một phẩy bốn phần trăm)/năm
3	BIDL2131007C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,5% (một phẩy năm phần trăm)/năm

- + Ngày xác định lãi suất là ngày phát hành đối với kỳ tính lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ 7 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi đối với các kỳ tính lãi tiếp theo.
- + Kỳ tính lãi của trái phiếu là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của trái phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ ngày phát hành.
- + Nếu Tổ chức phát hành không mua lại trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho các kỳ tính lãi từ năm thứ 06 (sáu) cho đến khi trái phiếu đáo hạn sẽ được tính như sau:

STT	Mã trái phiếu	Lãi suất áp dụng
1	BIDL2128005C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,8% (ba phẩy tám phần trăm)/năm
2	BIDL2129006C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,07% (ba phẩy không bảy phần trăm)/năm
3	BIDL2131007C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,5% (hai phẩy năm phần trăm)/năm

7. Kỳ trả lãi: định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ ngày phát hành.

8. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu.

9. Phương thức phân phối: trái phiếu được phân phối trực tiếp cho nhà đầu tư tại các chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn quốc và trụ sở chính của Tổ chức phát hành.

10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

STT	Mã trái phiếu	Số lượng đăng ký mua tối thiểu
1	BIDL2128005C	500 trái phiếu tương ứng tối thiểu đặt mua 50.000.000 VND
2	BIDL2129006C	300 trái phiếu tương ứng tối thiểu đặt mua 30.000.000 VND
3	BIDL2131007C	100 trái phiếu tương ứng tối thiểu đặt mua 10.000.000 VND

11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 8h sáng ngày 27/12/2022 đến 9h sáng ngày 16/01/2023.

12. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

- Trụ sở chính của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chi tiết địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: <https://www.bidv.com.vn/>

13. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: Từ 8h sáng ngày 27/12/2022 đến 9h sáng ngày 16/01/2023.

14. Ngày phát hành dự kiến: 16/01/2023.

15. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu:

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 125.0000.87243

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

16. Địa điểm công bố Bản Cáo Bạch, Bản Thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch:

Bản Cáo Bạch, Bản Thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch và các tài liệu liên quan khác được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán HSC: <https://www.bidv.com.vn> và <https://www.hsc.com.vn>

IV. Các tổ chức liên quan

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

Website : www.hsc.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty : Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

3. ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : Lầu 5&6 Tòa nhà AB, số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 38233299 Fax: (84.28) 238233301

Nơi nhận (3 b):

- Như đề gửi;
- HĐQT, Tổng Giám đốc (để b/c);
- PTGD Nguyễn Thiên Hoàng (để p/h c/đ);
- Ban ALCO, TTDVKH, CTCK HSC (để p/h t/h);
- Lưu: VT, Ban KDV&TT.

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Long

PHỤ LỤC 1

Các ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của BIDV

(Theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012 và các quyết định sửa đổi)

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
 - e) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế;
 - c) Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật.
7. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
8. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
9. Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác;
 - c) Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
10. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán:



- a) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
 - b) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.
11. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
12. Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- 13a. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- 13b. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
14. Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15. Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại:
- a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
 - c) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - d) Cung cấp dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - đ) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định của pháp luật.
 - e) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
 - g) Ngân hàng giám sát theo pháp luật chứng khoán.
16. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
17. Hoạt động mua nợ.
18. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.